

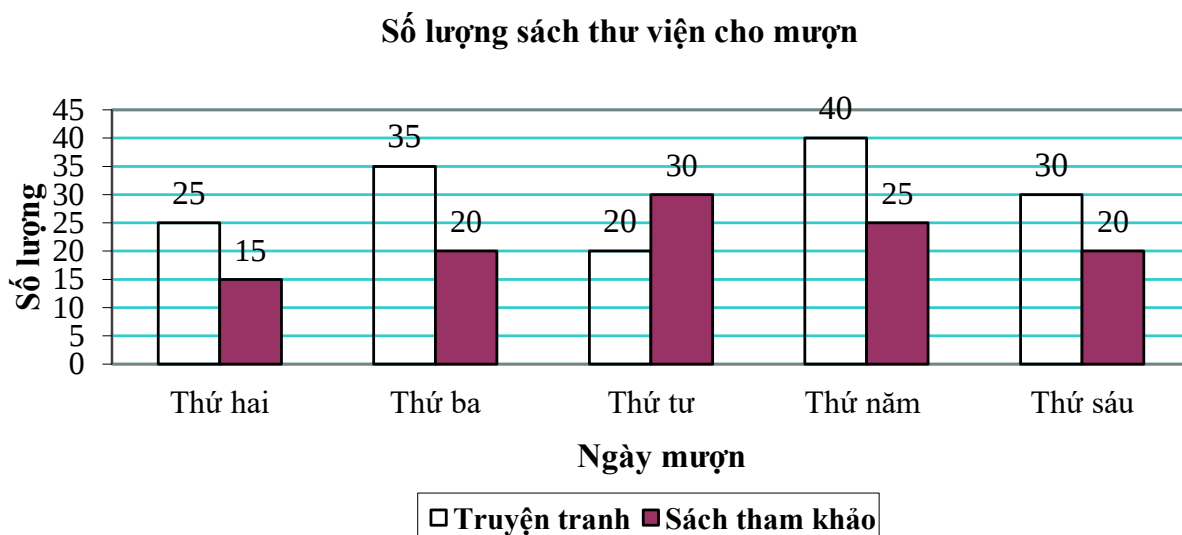
MÔN TOÁN 6

A. LÝ THUYẾT

1. Một số yếu tố thống kê và xác suất
2. Phân số với tử và mẫu là số nguyên, hỗn số dương
3. Phép cộng, trừ, nhân, chia phân số
4. Số thập phân. Phép cộng, trừ số thập phân
5. Hai bài toán về phân số
6. Điểm. Đoạn thẳng
7. Tia

B. BÀI TẬP THAM KHẢO

Bài 1. Biểu đồ cột kép sau đây biểu diễn số sách thư viện cho mượn trong tuần của một trường học



- a) Tính tổng số truyện tranh mà các bạn học sinh đã mượn.
- b) Tính tổng số sách tham khảo mà các bạn học sinh đã mượn.
- c) Loại sách nào các bạn mượn nhiều hơn.
- d) Thứ mấy sách tham khảo mượn nhiều hơn truyện tranh.

Bài 2. Biểu đồ dưới đây cho biết số sách quyên góp được của Trường THCS Nguyễn Trãi trong đợt phát động ủng hộ đầu năm.

Khối	Số sách ủng hộ
6	
7	
8	
9	
	: 20 quyển : 10 quyển

- a) Hãy lập bảng thống kê cho những dữ liệu trên.
 b) Tính tổng số sách khối 6 và 7 quyên góp được.
 c) Khối lớp nào quyên góp được nhiều sách nhất

Bài 3. Hai bạn Dũng và Nam chơi 1 ván oẳn tù tì gồm 10 lần theo luật chơi: Búa (B) thắng Kéo (K); Kéo (K) thắng Lá (L), Lá (L) thắng Búa (B) và hòa nhau nếu cùng loại.



Sau đây là kết quả của mỗi ván chơi:

Lần thứ	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Dũng	L	B	B	K	L	B	K	B	K	K
Nam	B	K	L	L	K	B	L	K	L	B

Tính xác suất thực nghiệm của sự kiện sau:

- a) Sự kiện “Nam ra kéo”.
 b) Sự kiện “Dũng thắng”.
 c) Sự kiện “Nam không thua Dũng”.

Bài 4. So sánh các phân số sau:

- a) $\frac{-3}{4}$ và $\frac{-1}{4}$; b) $\frac{-3}{8}$ và $\frac{7}{-8}$; c) $\frac{-3}{11}$ và $\frac{-4}{13}$; d) $\frac{1007}{1009}$ và $\frac{1005}{1007}$

Bài 5. Tìm số đối của:

- a) $\frac{5}{6}$; b) $\frac{12}{-25}$; c) $-\frac{17}{24}$; d) 3,25

Bài 6. Nối với kết quả phù hợp.

a) $\frac{4}{5}$ của 45	1) 90
b) $\frac{2}{7}$ của 112	2) 36
c) $\frac{1}{4}$ của 120	3) 30
d) $\frac{3}{8}$ của 240	4) 32

Bài 7. Thực hiện phép tính:

- a) $\frac{2}{3} + \frac{-5}{8}$; b) $\frac{-3}{4} - \frac{-7}{5}$; c) $\frac{2}{5} + \frac{-3}{4} - \frac{5}{6}$; d) $\frac{3}{5} + \frac{-7}{12} \cdot 2$;
 e) $\frac{-3}{-4} + \left(\frac{11}{-15} + \frac{1}{4} \right)$; f) $\frac{7}{8} + \frac{7}{8} : \frac{1}{8} - \frac{1}{2}$; g) $\left(\frac{-3}{4} : \frac{2}{3} \right) \cdot \frac{3}{5}$; h) $\frac{15}{4} \cdot \frac{4}{5} + \frac{17}{13} \cdot \frac{169}{221}$

Bài 8. Tính hợp lí (nếu có thể):

a) $(-4,5) + 3,6 + 4,5 + (-3,6)$; b) $\frac{-3}{4} + \frac{6}{7} + \frac{11}{4} - \frac{1}{3} - \frac{-15}{7}$ c) $\left(\frac{1}{5} - \frac{3}{4}\right) - \left(\frac{1}{4} + \frac{-9}{5}\right) + 1$
 d) $\left(\frac{5}{17} - \frac{8}{33}\right) - \left(\frac{25}{33} - \frac{12}{17}\right) - 2025^0$ e) $\frac{-9}{7} \cdot \left(\frac{14}{15} - \frac{-7}{9}\right)$; f) $\frac{7}{8} \cdot \frac{4}{15} - \frac{1}{4} \cdot \frac{4}{15} + \frac{4}{15} \cdot \frac{1}{8}$

Bài 9. Tìm x, biết:

a) $\frac{-5}{6} - x = \frac{2}{3}$; b) $x - \frac{-3}{4} = \frac{-14}{25}$; c) $\frac{2}{3} + \frac{1}{3} : x = \frac{3}{5}$;
 d) $\frac{1}{2} - \left(x + \frac{1}{3}\right) = \frac{7}{6}$; e) $\frac{7}{12} + \left(\frac{5}{2} - x\right) = \frac{1}{6}$; f) $\frac{x+3}{15} = \frac{1}{3}$;
 g) $\frac{4}{7} = \frac{5x-2}{-21}$; h) $\left(x - \frac{-1}{2}\right) \cdot \left(x + \frac{1}{3}\right) = 0$; i). $\frac{x+1}{-2} = \frac{-8}{x+1}$

Bài 10. Một đám đất hình chữ nhật có chiều rộng là 64 m và bằng $\frac{4}{5}$ chiều dài.

a) Tính diện tích của đám đất.

b) Người ta để $\frac{9}{20}$ diện tích đám đất đó trồng cây; $\frac{3}{5}$ diện tích còn lại đào ao thả cá.

Tính diện tích ao cá.

c) Diện tích ao cá bằng bao nhiêu phần trăm diện tích đám đất.

Bài 11. Lớp 6B có 45 học sinh. Trong đó 60% số học sinh thích bóng đá, 40% thích đá cầu, $\frac{4}{15}$ thích chơi bóng bàn, $\frac{1}{9}$ thích chơi bóng chuyền. Tính số học sinh thích chơi bóng đá, đá cầu, bóng bàn, bóng chuyền.

Bài 12. Một lớp có 40 học sinh xếp loại học lực gồm ba loại: Giỏi, Khá, Đạt. Số học sinh Giỏi chiếm $\frac{1}{5}$ số học sinh cả lớp. Số học sinh xếp loại Đạt bằng $\frac{3}{8}$ số học sinh còn lại.

a) Tính số học sinh mỗi loại.

b) Tính tỉ số phần trăm số học sinh Khá so với cả lớp.

Bài 13. Một đội công nhân phải sửa đoạn đường 60m trong ba ngày. Ngày thứ nhất làm được $\frac{1}{5}$ đoạn đường. Ngày thứ hai làm được $\frac{2}{3}$ đoạn đường. Hỏi ngày thứ ba làm được bao nhiêu mét?

Bài 14. Vẽ đường thẳng xy. Lấy điểm O nằm trên đường thẳng xy. Lấy điểm A thuộc tia Ox, Lấy điểm B thuộc tia Oy.

a. Viết tên các tia trùng với tia Oy.

b. Viết tên hai tia đối nhau gốc B.

c. Hai tia Ax và Oy có đối nhau không? Vì sao?

Bài 15. Trên tia Ox lấy hai điểm A và B sao cho $OA = 4\text{ cm}$, $OB = 8\text{ cm}$.

- Kể tên các tia có trên hình.
- Tính độ dài đoạn thẳng AB .
- So sánh độ dài đoạn thẳng OA và OB .
- Điểm A có là trung điểm của đoạn thẳng OB không? Vì sao?

Bài 16. Trên tia Ax , lấy hai điểm C và D sao cho $OC = 2cm$, $OD = 8cm$.

- Tính độ dài đoạn CD .
- Gọi I là trung điểm của CD . Tính độ dài đoạn OI , AI .

Bài 17. Trên tia Ox lấy điểm M và N sao cho $OM = 5cm$, $ON = 10cm$.

- Tính đoạn MN .
- Điểm M có là trung điểm của đoạn ON không? Vì sao?
- Vẽ tia Oy là tia đối của tia Ox . Trên tia Oy lấy điểm C sao cho $OC = 4cm$. Tính NC .

* BÀI TẬP NÂNG CAO

Bài 18. Tính tổng:

$$A = \frac{1}{5.6} + \frac{1}{6.7} + \frac{1}{7.8} + \dots + \frac{1}{24.25}$$

$$B = \frac{3}{1.4} + \frac{3}{4.7} + \frac{3}{7.10} + \frac{3}{10.13} + \frac{3}{13.17}$$

Bài 19. So sánh hai phân số sau: $A = \frac{7^{10} + 1}{7^{10} - 1}$ và $B = \frac{7^{10} - 1}{7^{10} - 3}$

Bài 20. Chứng tỏ các phân số sau là phân số tối giản

$$\text{a) } A = \frac{12n+1}{30n+2} \quad \text{b) } B = \frac{14n+17}{21n+25} \quad \text{c) } C = \frac{3n+2}{5n+3}$$

“Chúc các con ôn tập tốt”

MÔN NGỮ VĂN

PHẦN I: ĐỌC HIỂU

1. Thống kê: Thể loại văn bản đã học

STT	Thể loại	Đặc trưng thể loại	Văn bản tương ứng
1	Nghị luận xã hội		
2	Truyện ngắn		

2. Nắm vững các đặc trưng thể loại để vận dụng đọc hiểu văn bản

- Phương thức biểu đạt
- Ngôi kể
- Đề tài, chủ đề của văn bản
- Nhân vật: hành động, ngôn ngữ, hình dáng, cử chỉ, ý nghĩ...
- Tính cách nhân vật/ Vẻ đẹp nhân vật

- Tư tưởng, tình cảm, thái độ của người kể chuyện
- Ý kiến, lí lẽ, bằng chứng

3. Kiến thức thực hành Tiếng Việt

- Biện pháp tu từ: so sánh, nhân hoá, điệp ngữ, ẩn dụ, hoán dụ
- Từ Hán Việt
- Trạng ngữ

Lưu ý: Thực hành đọc hiểu ngữ liệu ngoài SGK

PHẦN II: TẠO LẬP VĂN BẢN

1. Viết đoạn văn

- Viết đoạn văn trình bày ý kiến về một hiện tượng đời sống, đoạn văn có vận dụng kiến thức Tiếng Việt đã học. (bảo vệ môi trường, ý thức tự học, HS không tập trung trong giờ học...)

2. Viết bài văn hoàn chỉnh

- Tả cảnh sinh hoạt. (VD: Trận đấu thể thao, Hội vui xuân, Sinh hoạt lớp,...)

MÔN TIẾNG ANH

PART I – THEORY (Unit 7-Unit 11)1. Phonetics:

/θ/ and /ð/ sounds

/e/ and /æ/ sounds

/əʊ/ and /aʊ/sound

Stress in two-syllable words

2. Vocabulary:

Television: TV programmes

Sports and Games

Cities and landmarks

Types of houses and appliances

3. Grammar:

Wh- questions

Conjunctions in compound sentences:

and, but, so

Past simple

Imperatives

Possessive adjectives

Possessive pronouns

Future simple

Might for possibility

4. Communication

Talking about a favourite TV programme

Talking about famous sportspeople

Talking about a city

Talking about different houses in the future

PART II – PRACTICE TEST

Choose the word whose underlined part differs from the other three in pronunciation in each of the following questions.

1. A. south B. soul C. shoulder D. although
2. A. member B. karate C. medal D. intelligent
3. A. thing B. these C. think D. third
4. A. match B. many C. says D. said

Mark the letter A, B, C or D on your answer sheet to indicate the word that differs from the other three in the position of primary stress in each of the following questions.

5. A. awful B. cartoon C. boring D. channel
6. A. racket B. sporty C. goggles D. repair

Choose the correct answer to each of the following questions.

7. My family had a lot of _____ in Hoi An and it was an exciting trip.
A. fun B. funny C. enjoy D. enjoys
8. _____ or you'll miss the show!
A. Hurrying B. Hurry up C. Slow down
D. To hurry
9. I think robots _____ meals better than humans do.
A. might cook B. mightn't to cook C. mightn't cooking D. might to cook
10. Solar energy is energy that is converted into electricity from the _____.
A. wind B. sun C. rain D. storm
11. Two friends are talking with each other.
Tam: "What kind of films are you interested in?" – Linda: "_____."
A. I don't like to watch TV C. I enjoy romantic comedies
B. I love Tom – the cat D. Oh, watching TV is very interesting
12. _____ do you watch "The Debaters"? - Every week.
A. How far B. How long C. When D. How often
13. Wind flowing from an electric _____ can make the whole room cool and airy.
A. fridge B. cooker C. ceiling fan D. clock
14. If you bring water bottles to a picnic, what types of bottles _____?
A. do you bring B. should you bring C. are you bringing D. you will bring
15. I _____ born on the first of May.
A. were B. was C. are D. is

16. Many girls and women _____ aerobics to keep fit.

- A. play B. go C. do D. have

17. Two friends are talking with each other.

Tom: "Did you have a good trip?" – Celine: "_____."

- A. Thank you B. Yes, I think the trip was fun
C. Yes, it was delicious D. It's my pleasure

Read the following announcement and mark the letter A, B, C, or D on your answer sheet to indicate the correct option that best fits each of the numbered blanks from 18 to 21.

GOLDEN TRAVEL OPPORTUNITY

We are thrilled to announce that after months (18) _____ preparation, *WORLD EXPLORER TOUR* is officially launched next summer. This is your chance to visit the most famous cities (19) _____ experience different cultures, breathtaking landmarks, and unique (20) _____. The journey will be (21) _____. Don't miss out!

18. A. of B. to C. for D. with
19. A. so B. and C. but D. or
20. A. fruit B. cuisines C. drink D. drinking
21. A. entertaining B. educational C. excited D. boring

Mark the letter A, B, C, or D on your answer sheet to indicate the correct answer to each of the following questions from 22 to 23.

Question 22. Put the sentences (a-c) in the correct order, then fill in the blank to make a logical text.

Playing sports is beneficial for everyone.

- a. It helps your muscles and bones grow.
b. Also, spending time on sports can help prevent serious diseases.
c. First, playing sports regularly makes you stronger and healthier.

- d. c-a-b B. b-c-a C. a-c-b D. c-b-a

Question 23. Choose the sentence that can end the text (in Question 22) most suitably.

- a. Therefore, playing sports regularly is a great way to stay healthy and feel good.
b. However, some people believe that playing sports too frequently can lead to exhaustion and injuries
c. In conclusion, watching sports is more fun than playing them because it does not require effort.
d. That's why some people don't like sports and prefer to do something else in their free time.

Read the following passage and mark the letter A, B, C or D on your answer sheet to indicate the correct option that best fits each numbered blank from 24 to 29.

Hoi An is one of the oldest towns (24) _____ Viet Nam. It (25) _____ on the lower section of the Thu Bon River. It is a very beautiful town with a lot of colorful (26) _____ which are hung around the town. Hoi An is (27) _____ one day tailoring. Customers order clothes in the morning and get them in (28) _____ evening. The price is not really expensive. (29) _____ you want to find the place of the new time, Hoi An is a good choice.

- Question 24.** A. on B. at C. in D. for
Question 25. A. are B. is C. are being D. be
Question 26. A. lanterns B. pumpkins C. balloons D. stars
Question 27. A. interested in B. famous for C. proud of D. good at
Question 28. A. a B. an C. the D. X
Question 29. A. Unless B. If C. Or D. Because

Read the following passage and choose the correct answer for each question.

A robot cannot think or do things alone. People use a computer to control it. Today, robots are becoming useful in our lives. They can help us to save a lot of time and work. A robot can do the same work for 24 hours, and yet, it does not complain or get tired. In the US, people use robots as security guards in some important places. These robots can listen for certain noises and send signals for help if there's trouble or danger. In Japan, people use robots in factories to build cars. In the future, scientists will design many types of **intelligent** robots. Their robots will help us to do many more complicated things. However, some people do not like robots. They fear that one day robots will be too **powerful**.

Question 30. What is the main idea of the passage?

- A. Robots are dangerous and should not be used.
 B. Robots are becoming useful in our daily lives.
 C. Only Japan and the US use robots.
 D. Robots can only be used in factories.

Question 31. Which word is CLOSEST in meaning to "**intelligent**" in the passage?

- A. Smart B. Weak C. Useless D. Boring

Question 32. Which word is OPPOSITE in meaning to "**powerful**" in the passage?

- A. Strong B. Intelligent C. Weak D. Useful

Question 33. Which of the following is NOT true according to the passage?

- A. Robots can work 24 hours without getting tired.
 B. Some people fear robots will become too powerful.
 C. All robots can think and act on their own.
 D. Scientists will design more intelligent robots in the future.

Question 34. How are robots used in the US?

- A. As security guards in important places.
- B. To build cars in factories.
- C. To teach students in schools.
- D. To cook food in restaurants.

Question 35. Why do some people dislike robots?

- A. Because robots are too expensive.
- B. Because they think robots will become too powerful.
- C. Because robots cannot work for long hours.
- D. Because robots are only used in Japan.

Read the following signs and choose the correct answer for each question below.

35. What does the sign say?



- A. This is a beautiful place to live.
- B. Come to this place if you're looking for a place to live in.
- C. Come to this place if you want to buy a house.
- D. The house is not available.

36. What does the sign mean?



- A. You can run fast here.
- B. Be careful when you go downstairs.
- C. You shouldn't watch your steps when you go upstairs or downstairs.
- D. You should build a doorstep here.

Four phrases/ sentences have been removed from the text below. For each question, mark the letter A, B, C or D on your answer sheet to indicate the correct option that best fits each of the numbered blanks from 37 to 40.

Bob the Builder is a British television program for children. (37) _____. It was first broadcast on 13th January 1999. It is developed by Hit Entertainment for BBC Television. The show is about the life of a builder named Bob, (38) _____. Bob has a wife named Wendy and a cat named Pilchard. The slogan of the show is "Can we fix it? Yes, we can!". There are albums of songs from Bob the Builder. Out of these songs, (39) _____, "Can We Fix It" and "Mambo". (40) _____. He also has some video games which are based on and created by Bob the builder.

- A - It is broadcast on the BBC and around the world.
- B - and his talking vehicles who help him fix things
- C - There are also other hit songs, including "Big Fish Little Fish"
- D - there are 2 number 1 hits

Question 37 _____ **Question 38** _____ **Question 39** _____ **Question 40** _____

Rearrange the words to make meaningful sentences.

41. a big meal / make/ My mother / will/ tonight/ .
42. If/ healthier/ be/ is/ the Earth/ will/ greener/ we/ and/ happier/ .
43. funnier/ cartoon/ is/ ,/ Which/ Doraemon or Pokemon/ ?
44. can/ badminton/ swim/ she/ but/ well/ My sister/ ,/ can't/ play/ .
45. time/ What/ James/ leave/ home/ yesterday/ did/ ?

Complete the second sentence so that it means the same as the first.

46. Maybe my parents won't move to the countryside.
=> **My parents**
47. Today is very beautiful!
=> **What!**
48. We're going to reduce waste by using reusable shopping bags.
=> **If**
49. My sister finds it interesting to play football with her friends.
=> **My sister is**
50. One of my friends got a virtual reality device as a birthday gift.
=> **A friend**

REVISION FOR SPEAKING TEST

Part 1: Introduce about yourself (name, age, class, ...)

Part 2:

Unit 7: Television	1. How often to you watch TV? 2. What TV channel do you watch the most? 3. What do you think about your TV-viewing habits? Are they good or bad? Why?	1. What is your favourite TV programme? 2. Why do you like it? 3. Do you think watching TV is good? Why/ Why not?
Unit 8: Sports and games	1. What sports/ games do you play in your free time? 2. Name 3 famous sport stars that you know. 3. Who is your favourite sport star? Why do you like him/ her?	1. What is your favourite sport? Do you play it well? 2. How often do you do physical exercise? 3. Do you think playing sports is important? Why/ Why not?

Unit 9: Cities of the world	1. Name 3 big cities that you know. 2. Have you ever been to another city? 3. What was special about that city?	1. What city do you always want to visit? 2. What is it like? (the weather/ the food...) 3. What can you see and do there?
Unit 10: Houses in the future	1. Where will your future house be in the future? 2. What might it look like? 3. Will you have a robot in your future house? Why/ Why not?	1. Where will your future house be in the future? 2. What might it look like? 3. Will you have a wireless TV in your future house? Why/ Why not?

MÔN KHTN

I. NỘI DUNG

Bài 20: Vai trò của thực vật trong đời sống và trong tự nhiên

Bài 21: Thực hành phân chia các nhóm thực vật

Bài 22: Đa dạng động vật không xương sống

Bài 23: Đa dạng động vật có xương sống

Bài 24: Đa dạng sinh học

Bài 26: Lực và tác dụng của lực

Bài 27: Lực tiếp xúc và lực không tiếp xúc

Bài 28: Lực ma sát

Bài 29: Lực hấp dẫn

Ôn tập các dạng bài tập trong sách bài tập

II. MỘT SỐ BÀI MINH HOẠ

PHẦN 1. TRẮC NGHIỆM

Câu 1: Nhóm động vật nào sau đây có số lượng loài lớn nhất?

A. Nhóm thân mềm

B. Nhóm chân khớp

C. Nhóm ruột khoang

D. Nhóm giun

Câu 2: Loài nào dưới đây không thuộc ngành Thân mềm?

A. Sứa

B. Ốc sên

C. Mực

D. Hàu

Câu 3: Loài nào dưới đây là loài giun kí sinh?

A. Giun quế

B. Giun đất

C. Giun kim

D. Rươi

Câu 4: Loài chân khớp nào dưới đây có lợi với con người?

A. Ve bò

B. Mọt ẩm

C. Ruồi

D. Bọ ngựa

Câu 5: Loài côn trùng nào sau đây có khả năng bay “điều nghệ” nhất?

A. Ong

B. Ruồi

C. Ve sầu

D. Chuồn chuồn

Câu 6: Đặc điểm nào sau đây là đặc điểm của các ngành giun?

- A. Bộ xương ngoài bằng kitin, các chân phân đốt, khớp động với nhau
- B. Cơ thể mềm, không phân đốt, có vỏ cứng bao bên ngoài
- C. Cơ thể dài, đối xứng hai bên, phân biệt đầu, thân
- D. Cơ thể đối xứng tỏa tròn, ruột hình túi

Câu 7: San hô là đại diện của ngành động vật không xương sống nào?

- A. Ruột khoang
- B. Thân mềm
- C. Chân khớp
- D. Các ngành Giun

Câu 8: Ngành thân mềm có cơ thể mềm và rất dễ bị tổn thương. Đặc điểm cấu tạo nào sau đây giúp chúng có thể hạn chế được nhược điểm đó của cơ thể?

- A. Tốc độ di chuyển nhanh
- B. Có lớp vỏ cứng bên ngoài cơ thể
- C. Có nọc độc
- D. Có bộ xương ngoài bằng kitin

Câu 9: Loài chim nào dưới đây có khả năng bơi và lặn tốt nhất?

- A. Chim thiên nga
- B. Chim sâm cầm
- C. Chim cánh cụt
- D. Chim mòng biển

Câu 10: Đa dạng sinh học không biểu thị ở tiêu chí nào sau đây?

- A. Đa dạng nguồn gen.
- B. Đa dạng hệ sinh thái.
- C. Đa dạng loài.
- D. Đa dạng môi trường.

Câu 11: Trong các sinh cảnh sau, sinh cảnh nào có đa dạng sinh học lớn nhất?

- A. Hoang mạc
- B. Rừng ôn đới
- C. Rừng mưa nhiệt đới
- D. Đai nguyên

Câu 12: Hành động nào dưới đây là hành động bảo vệ đa dạng sinh học?

- A. Đốt rừng làm nương rẫy
- B. Xây dựng nhiều đập thủy điện
- C. Trồng cây gây rừng
- D. Khai thác tối đa nguồn tài nguyên rừng

Câu 13: Ý nào dưới đây không phải là hậu quả của việc suy giảm đa dạng sinh học?

- A. Bệnh ung thư ở người
- B. Hiệu ứng nhà kính
- C. Biến đổi khí hậu
- D. Tuyệt chủng động, thực vật

Câu 14: Cho các vai trò sau:

- (1) Đảm bảo sự phát triển bền vững của con người
- (2) Là nguồn cung cấp tài nguyên vô cùng, vô tận
- (3) Phục vụ nhu cầu tham quan, giải trí của con người
- (4) Giúp con người thích nghi với biến đổi khí hậu
- (5) Liên tục hình thành thêm nhiều loài mới phục vụ cho nhu cầu của con người

Những vai trò nào là vai trò của đa dạng sinh học đối với con người?

- A. (1), (2), (3)
- B. (2), (3), (5)
- C. (1), (3), (4)
- D. (2), (4), (5)

Câu 15: Loài nào dưới đây đã bị tuyệt chủng ở Việt Nam?

- A. Voi B. Gấu C. Sao la D. Bò xám

Câu 16: Biện pháp nào sau đây không phải là bảo vệ đa dạng sinh học?

- A. Nghiêm cấm phá rừng để bảo vệ môi trường sống của các loài sinh vật.
B. Cấm săn bắt, buôn bán, sử dụng trái phép các loài động vật hoang dã.
C. Tuyên truyền, giáo dục rộng rãi trong nhân dân để mọi người tham gia bảo vệ rừng.
D. Dừng hết mọi hoạt động khai thác động vật, thực vật của con người.

Câu 17: Ý nào dưới đây không phải là vai trò của đa dạng sinh học trong thực tiễn?

- A. Cung cấp nguồn lương thực, thực phẩm
B. Phân hủy chất thải động vật và xác sinh vật
C. Cung cấp nguồn nguyên vật liệu cho các hoạt động sản xuất của con người
D. Cung cấp dược liệu để làm thuốc và các loại thực phẩm chức năng

Câu 18: Sinh cảnh nào dưới đây có độ đa dạng sinh học thấp nhất?

- A. Thảo nguyên B. Rừng mưa nhiệt đới
C. Hoang mạc D. Rừng ôn đới

Câu 19: Cho các ý sau:

- (1) Giảm khả năng bị săn bắt và khai thác triệt để các loài động, thực vật
- (2) Cung cấp môi trường sống phù hợp cho từng loài
- (3) Động vật không cần tự đi kiếm ăn
- (4) Động vật bị thương được chăm sóc y tế kịp thời
- (5) Bảo tồn các nguồn gen quý hiếm
- (6) Cung cấp địa điểm tham quan cho con người

Ý nào không phải là nguyên nhân chính để xây dựng các vườn quốc gia và khu bảo tồn thiên nhiên?

- A. (1), (4) B. (3), (6) C. (2), (5) D. (3), (4)

Câu 20: Loài nào dưới đây là loài giun kí sinh?

- A. Giun quế B. Giun đất C. Giun tóc D. Rươi

Câu 21: Đặc điểm nào sau đây là đặc điểm của các ngành giun?

- A. Bộ xương ngoài bằng kitin, các chân phân đốt, khớp động với nhau
B. Cơ thể mềm, không phân đốt, có vỏ cứng bao bên ngoài
C. Cơ thể dài, đối xứng hai bên, phân biệt đầu, thân
D. Cơ thể đối xứng tỏa tròn, ruột hình túi

Câu 22: Đặc điểm nào dưới đây là của ngành Ruột khoang?

- A. Đối xứng hai bên B. Đối xứng lưng – bụng
C. Đối xứng tỏa tròn D. Đối xứng trước – sau

Câu 23: Động vật khác thực vật ở những điểm nào dưới đây?

- (1) Môi trường sống ở nước, trên mặt đất

- (2) Tế bào không có thành cellulose
- (3) Dinh dưỡng dị dưỡng
- (4) Có khả năng tự tổng hợp chất hữu cơ
- (5) Đa số có khả năng di chuyển

A. (1), (2), (3) B. (2), (3), (4) C. (3), (4), (5) D. (2), (3), (5)

Câu 24. Động vật bò sát nào dưới đây có ích cho nông nghiệp do chúng tiêu diệt một số loài có hại như sâu bọ, chuột...?

A. Thằn lằn, rắn B. Cá sấu, rùa C. Ba ba, rùa D. Trăn, cá sấu

Câu 25. Giun đất và giun đũa đều có đối xứng 2 bên, cơ thể dài, phân biệt đầu thân, nhưng giun đũa không được xếp vào ngành Giun đốt là vì:

A. Sống tự do B. Cơ thể không phân đốt
C. Sống ký sinh D. Cơ thể dẹp và mềm

Câu 26: Lực ma sát nào giúp ta cầm quyển sách không trượt khỏi tay?

A. Lực ma sát trượt. B. Lực ma sát nghỉ.
C. Lực ma sát lăn. D. Lực ma sát trượt và lực ma sát nghỉ.

Câu 27. Một vật đặt trên mặt bàn nằm ngang. Dùng tay búng vào vật để nó chuyển động. Vật sau đó chuyển động chậm dần vì có

A. trọng lực. B. lực hấp dẫn.
C. lực búng của tay. D. lực ma sát

Câu 28. Tại sao các vận động viên đua xe đạp thường cúi khum thân người gần như song song với mặt đường?

A. Để giảm lực cản của không khí khi đang di chuyển.
B. Để không bị mỏi khi ngồi và đạp xe đạp quá lâu.
C. Để tiết kiệm sức lực.
D. Để tăng lực tác dụng vào bàn đạp giúp xe tăng tốc nhanh hơn.

Câu 29. Vì sao khi di chuyển cá ép vây sát vào mình của nó?

A. để giảm bớt lực cản của nước khi chuyển động.
B. để đánh lạc hướng kẻ thù.
C. để dễ dàng trao đổi chất với môi trường.
D. để lặn và nổi dễ dàng hơn.

Câu 30. Con số 198 g được ghi trên hộp kẹo chỉ

A. thể tích của hộp bánh.
B. khối lượng của bánh trong hộp.
C. sức nặng của hộp bánh.
D. số lượng bánh trong hộp.

Câu 31: Khi cầu thủ đá quả bóng đang nằm yên trên sân thì chân cầu thủ tác dụng lực lên quả bóng khiến cho quả bóng đang.....(1).....bắt đầu.....(2).....

- A. (1) đứng yên - (2) chuyển động
- B. (1) biến dạng - (2) đứng yên
- C. (1) chuyển động - (2) chuyển động chậm lại
- D. (1) chuyển động nhanh - (2) chuyển động chậm lại

Câu 32. Câu mô tả nào sau đây đúng về lực tác dụng lên lực kế?



- A. Lực F có phương nằm ngang, chiều từ trái sang phải, độ lớn 2 N.
- B. Lực F có phương nằm ngang, chiều từ phải sang trái, độ lớn 3 N.
- C. Lực F có phương thẳng đứng, chiều từ trái sang phải, độ lớn 2 N.
- D. Lực F có phương thẳng đứng, chiều từ trái sang phải, độ lớn 3 N.

Câu 33: Phát biểu nào sau đây là **sai**?

- A. Khối lượng được đo bằng gam.
- B. Kilogam là đơn vị đo khối lượng.
- C. Trái Đất hút các vật
- D. Không có lực hấp dẫn trên Mặt Trăng.

Câu 34. Lực (1) xuất hiện khi vật gây ra lực không có sự(2).... với vật chịu tác dụng. Em hãy điền từ còn thiếu vào chỗ trống?

- A. (1): tiếp xúc, (2) không tiếp xúc
- B. (1): không tiếp xúc, (2) không tiếp xúc
- C. (1): tiếp xúc, (2) tiếp xúc
- D. (1): không tiếp xúc, (2) tiếp xúc

Câu 35. Trong hình dưới, hai nam châm này hút hay đẩy nhau? Lực giữa 2 nam châm là lực tiếp xúc hay không tiếp xúc?



- A. đẩy nhau, lực tiếp xúc.
- B. hút nhau, lực tiếp xúc.
- C. đẩy nhau, lực không tiếp xúc.
- D. hút nhau, lực không tiếp xúc.

Câu 36. Trường hợp nào sau đây liên quan đến lực tiếp xúc?

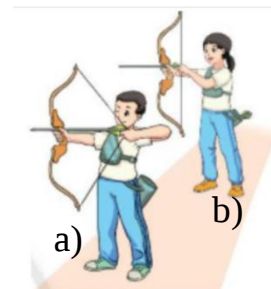
- A. Một hành tinh trong chuyển động xung quanh một ngôi sao.
- B. Một vận động viên nhảy dù rơi trên không trung.
- C. Thủ môn bắt được bóng trước khung thành.
- D. Quả táo rơi từ trên cây xuống

Câu 37. Trong các chuyển động sau, chuyển động nào đã bị biến đổi?

- A. Một chiếc xe đạp đang đi, bỗng hãm phanh, xe dừng lại
- B. Một máy bay đang bay thẳng với vận tốc không đổi 500 km/h
- C. Một chiếc xe máy đang chạy với tốc độ đều đặn
- D. Quả bóng đang nằm yên trên mặt đất

Câu 38. Quan sát hình bên, trường hợp nào đang giương cung? Vì Sao?

- A. Hình a. Vì cung tên bị biến dạng
- B. Hình b. Vì cung tên chưa bị biến dạng
- C. Cả 2 hình. Vì tên sắp được bắn
- D. Không có hình nào. Vì tên chưa chuyển động



Câu 39. Trường hợp nào sau đây vật **không** bị biến dạng khi chịu tác dụng của lực?

- A. Cửa kính bị vỡ khi bị va đập mạnh
- B. Đất xốp khi được cày xới cẩn thận
- C. Cành cây đu đưa khi có gió thổi
- D. Tờ giấy bị nhàu khi ta vò nó lại

Câu 40. Trong các trường hợp sau trường hợp nào **không** xuất hiện lực ma sát nghỉ?

- A. Quyển sách đứng yên trên mặt bàn dốc.
- B. Bao xi măng đang đứng trên dây chuyền chuyển động.
- C. Kéo vật bằng một lực nhưng vật vẫn không chuyển động.
- D. Hòn đá đặt trên mặt đất phẳng.

PHẦN 2. TỰ LUẬN

Câu 1. Giải thích vì sao số loài động vật ở môi trường nhiệt đới lại nhiều hơn môi trường đới lạnh và hoang mạc đới nóng?

Câu 2. Để phân biệt các nhóm động vật không xương sống, ta dựa vào đặc điểm gì?

Câu 3. Em hãy cho biết tại sao lớp xe, đế giày dép lại thường có những rãnh nhỏ trên bề mặt?

Câu 4. Gió từ quạt điện khiến tờ giấy bay. Tờ giấy chịu tác dụng của lực tiếp xúc và lực không tiếp xúc nào?

Câu 5. Em hãy lấy 1 ví dụ về lực ma sát có lợi và 1 ví dụ về lực ma sát có hại? Từ đó hãy nêu biện pháp để tăng hoặc giảm lực ma sát trong mỗi trường hợp?

Câu 6. Một lò xo có chiều dài tự nhiên ban đầu là $l_0 = 20 \text{ cm}$. Nếu treo một vật có khối lượng $m_1 = 0,4 \text{ kg}$ thì lò xo bị dãn ra một đoạn 2 cm . Nếu treo vật có khối lượng $0,5 \text{ kg}$, thì chiều dài của lò xo là bao nhiêu?

MÔN LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÝ

I. PHÂN MÔN LỊCH SỬ

* Phần câu hỏi tự luận:

Câu 1:

a, Tại sao khoảng thời gian từ năm 179 TCN đến năm 938 được gọi là thời Bắc thuộc?

b, Những tín ngưỡng, phong tục, tập quán nào của người Việt được bảo tồn suốt thời Bắc thuộc và vẫn có mặt trong đời sống văn hóa hàng ngày của chúng ta hiện nay?

Câu 2: Theo em, tiếng nói có vai trò như thế nào trong việc giữ gìn và phát triển bản sắc văn hóa dân tộc? Em có suy nghĩ gì về hiện tượng nhiều học sinh “pha” tiếng nước ngoài vào tiếng Việt khi giao tiếp?

Câu 3: Trình bày nguyên nhân, diễn biến, kết quả và ý nghĩa của các cuộc khởi nghĩa:

a, Khởi nghĩa Hai Bà Trưng (Năm 40 - 43)

b, Khởi nghĩa Bà Triệu (Năm 248)

Câu 4:

a, Nêu những chính sách bóc lột về kinh tế của phong kiến phương Bắc đối với nước ta trong thời kì Bắc thuộc. Vì sao phong kiến phương Bắc lại nắm giữ độc quyền về muối và sắt?

b, Trình bày chính sách đồng hóa của phong kiến phương Bắc đối với nước ta?

***Phần trắc nghiệm:** Ôn kiến thức các bài

- Bài 16: Chính sách cai trị của phong kiến phương Bắc và sự chuyển biến của Việt Nam thời kì Bắc thuộc.

- Bài 17: Đấu tranh bảo tồn và phát triển văn hóa dân tộc thời Bắc thuộc.

- Bài 18: Các cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc trước thế kỉ X

II. PHÂN MÔN ĐỊA LÍ

Câu 1: Trình bày một số nhân tố hình thành đất.

Câu 2:

a. Nêu đặc điểm các đới thiên nhiên trên Trái Đất.

b. Phân biệt rừng mưa nhiệt đới và rừng nhiệt đới gió mùa.

Câu 3: Giải thích đặc điểm phân bố dân cư trên thế giới. Em hãy cho biết những nơi đông dân và thưa dân ở nước ta.

*** Trắc nghiệm**

Câu 1. Đất *không* có tầng nào sau đây?

A. Hữu cơ.

B. Đá mẹ.

C. Tích tụ.

D. Vô cơ.

Câu 2. “Trải dài giữa hai chí tuyến thành một vành đai liên tục bao quanh Trái Đất, có nhiệt độ cao; giới thực, động vật rất phong phú và đa dạng” là đặc điểm của đới thiên nhiên nào?

A. Đới nóng.

B. Đới lạnh.

C. Đới ôn hòa.

D. Hàn đới.

Câu 3. Điền từ thích hợp vào chỗ trống: Quy mô dân số thế giới ngày càng lớn, thời gian để dân số tăng lên 1 tỉ người ngày càng

A. Biến động.

B. Ngắn.

C. Liên tục.

D. Tăng.

Câu 4. Những khu vực nào sau đây tập trung đông dân nhất trên thế giới?

A. Bắc Á, Bắc Phi, Đông Bắc Hoa Kỳ.

B. Đông Âu, Đông Nam Á, Nam Mỹ.

C. Nam Á, Bắc Á, Tây Nam Á, Tây Âu.

D. Nam Á, Đông Á, Tây và Trung Âu.

Câu 5. Dân số thế giới năm 2018 khoảng bao nhiêu tỉ người?

A. 6,7.

B. 7,2.

C. 7,6.

D. 6,9.

Câu 6. Châu lục nào sau đây tập trung đông dân nhất thế giới?

- A. Châu Á. B. Châu Mỹ. C. Châu Âu. D. Châu Phi.

Câu 7. Châu lục nào sau đây tập trung nhiều siêu đô thị nhất trên thế giới?

- A. Châu Âu. B. Châu Á. C. Châu Mỹ. D. Châu Phi.

Câu 8: Nhân tố nào sau đây quyết định thành phần, tính chất, màu sắc của đất?

- A. Địa hình. B. Sinh vật. C. Khí hậu. D. Đá mẹ.

Câu 9: Đất đen thảo nguyên phân bố ở vùng

- A. cực. B. nhiệt đới. C. ôn đới D. chí tuyến.

Câu 10: Nhân tố nào sau đây làm ảnh hưởng tới quá trình xói mòn, rửa trôi, hoà tan hoặc tích tụ chất hữu cơ của đất?

- A. Địa hình. B. Đá mẹ. C. Sinh vật. D. Khí hậu.

Câu 11: Nhân tố nào sau đây cung cấp chất hữu cơ cho đất, các vi sinh vật làm cho đất tơi xốp?

- A. Đá mẹ. B. Khí hậu. C. Sinh vật. D. Địa hình.

Câu 12: Đất là

- A. lớp mùn có màu nâu xám, cung cấp chất dinh dưỡng cho cây trồng phát triển.
 B. lớp vật liệu vụn bở, có thành phần phức tạp ở phía trên lục địa và bề mặt đây đại dương.
 C. lớp vật chất có được từ quá trình phân huỷ các loại đá và các khoáng vật.
 D. lớp vật chất mỏng, vụn bở, bao phủ trên bề mặt đất, được đặc trưng bởi độ phì.

Câu 13: Nhận định nào dưới đây *không đúng* đối với quá trình hình thành đất?

- A. Đá mẹ ảnh hưởng đến màu sắc của đất.
 B. Thời gian quyết định đến màu sắc của đất.
 C. Địa hình ảnh hưởng đến độ dày của tầng đất và độ phì của đất.
 D. Khí hậu ảnh hưởng đến chiều hướng phát triển của đất.

Câu 14. Sinh vật trên Trái Đất tập trung chủ yếu ở

- A. đới ôn hòa và đới lạnh. B. xích đạo và nhiệt đới.
 C. đới nóng và đới ôn hòa. D. đới nóng và đới lạnh

Câu 15. Ở đới lạnh có kiểu thảm thực vật chính nào sau đây

- A. Đài nguyên. B. Thảo nguyên. C. Hoang mạc. D. Rừng lá kim.

Câu 16. Nhân tố tự nhiên nào sau đây có ảnh hưởng đến sự phân bố sinh vật trên Trái Đất rõ nhất?

- A. Khí hậu. B. Thổ nhưỡng. C. Địa hình. D. Nguồn nước.

Câu 17. Rừng nhiệt đới phân bố chủ yếu ở

- A. vùng cận cực. B. vùng ôn đới. C. hai bên chí tuyến. D. hai bên xích đạo.

Câu 18. Rừng mưa nhiệt đới phân bố chủ yếu ở nơi có khí hậu

- A. nóng, khô, lượng mưa nhỏ. B. mưa nhiều, ít nắng, ẩm lớn.

C. nóng, ẩm, lượng mưa lớn.

D. ít mưa, khô ráo, nhiều nắng

Câu 19. Khu vực nào sau đây có rừng nhiệt đới điển hình nhất trên thế giới?

A. Việt Nam.

B. Công-gô.

C. A-ma-dôn.

D. Đông Nga.

Câu 20. Rừng nhiệt đới được chia thành hai kiểu chính nào sau đây?

A. Rừng mưa nhiệt đới và rừng nhiệt đới gió mùa.

B. Rừng mưa nhiệt đới và rừng cận nhiệt đới mùa.

C. Rừng nhiệt đới ẩm và rừng nhiệt đới xích đạo.

D. Rừng nhiệt đới khô và rừng cận nhiệt đới gió mùa.

MÔN CÔNG NGHỆ

Câu 1. Đồ dùng điện nào trong gia đình giúp nấu chín gạo thành cơm?

A. Ấm điện

B. Nồi cơm điện

C. Máy sấy tóc

D. Lò vi sóng

Câu 2. Em hãy gọi tên đồ dùng điện trong tranh dưới đây.

A. Đèn học

B. Đèn sưởi

C. Đèn ngủ

D. Đèn dầu



Câu 3. Điện áp định mức cho các đồ dùng điện ở nước ta thường là:

A. 220V

B. 120V

C. 320V

D. 22V

Câu 4. Tình huống nào sau đây đảm bảo an toàn khi sử dụng đồ dùng điện trong gia đình?

A. Đun nồi nước đầy bằng bếp điện

B. Bật bình nước nóng khi đang tắm

C. Dùng tay chặn lỗ thoát hơi của nồi cơm điện khi nồi cơm đang nấu

D. Ngắt nguồn điện của đồ dùng điện trước khi tiến hành bảo dưỡng, sửa chữa

Câu 5. Đồ dùng nào dưới đây không sử dụng điện năng?

A. Quạt

B. Máy giặt

C. Bình nước

D. Bếp từ

Câu 6. Đèn điện không có chức năng:

A. Trang trí

B. Chiếu sáng

C. Sưởi ấm

D. Bảo quản thức ăn

Câu 7. Bóng thủy tinh, sợi đốt, đuôi đèn là những bộ phận của loại đèn điện nào?

A. Đèn huỳnh quang

B. Đèn sợi đốt

C. Đèn led

D. Đèn compact

Câu 8. Đồ dùng điện trong gia đình là các sản phẩm công nghệ hoạt động bằng phục vụ sinh hoạt trong gia đình. Cụm từ cần điền vào chỗ chấm là:

A. năng lượng gió

B. năng lượng mặt trời

C. năng lượng pin

D. năng lượng điện

Câu 9. Đơn vị đo công suất định mức của các đồ dùng điện trong gia đình là:

- A. Oát B. Vôn C. Lít D. Gam

Câu 10. Chất liệu vải thường được sử dụng may trang phục trẻ em là:

- A. Vải thô cứng, bí B. Vải mềm, dễ thấm mồ hôi.
C. Vải lụa tơ tằm cao cấp D. Vải tối màu

Câu 11. Đèn huỳnh quang hoạt động dựa trên nguyên lý nào?

- A. Khi hoạt động dòng điện chạy qua sợi đốt của bóng đèn làm cho sợi đốt nóng tới nhiệt độ cao và phát sáng
B. Khi hoạt động sự phóng điện giữa hai cực của đèn lên lớp bột huỳnh quang phủ bên trong ống làm phát ra ánh sáng
C. Khi hoạt động bảng mạch LED phát ra ánh sáng vỏ bóng giúp phân bố đều ánh sáng
D. Tất cả các đáp án đều đúng

Câu 12. Sức chứa tối đa mà vật có thể chứa được một khối chất khác được gọi là gì?

- A. Thể tích B. Diện tích C. Cở tích D. Dung tích

Câu 13. Đơn vị đo điện áp định mức của các đồ dùng điện trong gia đình là:

- A. Oát B. Vôn C. Lít D. Gam

Câu 14. Bộ phận có chức năng phân bố đều ánh sáng của bóng đèn sợi đốt là:

- A. Ống thuỷ tinh B. Bóng thuỷ tinh.
B. C. Sợi đốt D. Đuôi đèn

Câu 15. Loại bóng đèn có chất lượng ánh sáng cao nhất là:

- A. Đèn huỳnh quang B. Đèn compact C. Đèn sợi đốt. D. Đèn LED

Câu 16. Chức năng chính của nồi cơm điện là:

- A. Đun nước B. Nướng bánh C. Nấu cơm. D. Ninh xương

Câu 17. Bộ phận nào không thuộc nồi cơm điện?

- A. Dàn làm lạnh. B. Bộ phận điều khiển
C. Bộ phận sinh nhiệt D. Nồi nấu

Câu 18. Phần nắp nồi cơm điện thường có bộ phận gì?

- A. Van hơi B. Bình dự trữ nước C. Thân nồi D. Phích cắm

Câu 19. Nồi cơm điện có khả năng nấu chín gạo thành cơm khi ở chế độ nào?

- A. Chế độ giữ ấm B. Chế độ nướng C. Chế độ nấu D. Chế độ mát

Câu 20. Trang phục lựa chọn cho trẻ em thường có đặc điểm nào sau đây?

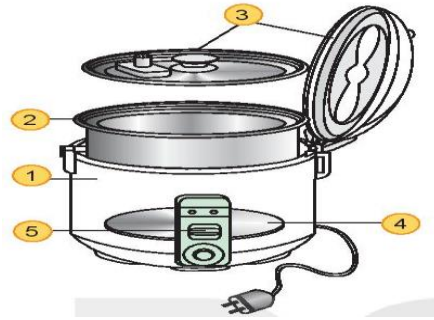
- A. Trang trí sinh động B. Kiểu dáng rộng
C. Hoạ tiết đơn giản D. Màu trầm

Câu 21. Phía trong của nồi nấu thường được phủ gì?

- A. Lớp cách nhiệt B. Lớp chống dính. C. Lớp men D. Lớp mỡ

Câu 22. Bộ phận số 4 của nồi cơm điện trong hình bên có tên gọi là gì?

- A. Bộ phận điều khiển
- B. Nắp nồi
- C. Bộ phận sinh nhiệt
- D. Thân nồi



Câu 23. Nồi cơm điện chuyển sang chế độ giữ ấm khi nào?

- A. Khi cơm cạn nước.
- B. Khi cơm đang sôi
- C. Khi cơm đã cháy
- D. Khi cơm đã chín

Câu 24. Nội dung nào chỉ việc sử dụng nồi cơm điện không an toàn?

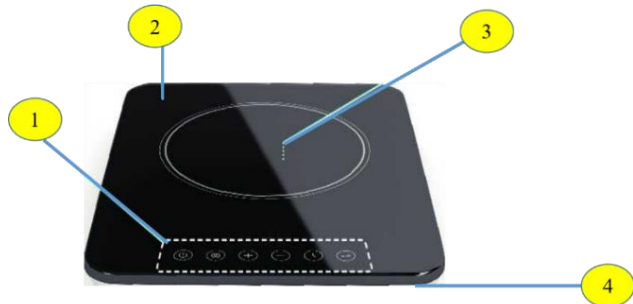
- A. Đặt nồi cơm ở nơi khô ráo, thoáng mát
- B. Không nấu quá lượng gạo qui định
- C. Không mở nắp nồi để kiểm tra cơm khi đang nấu
- D. Dùng tay, vật dụng khác để che mặt tiếp xúc với van thoát hơi của nồi cơm điện khi nồi đang nấu

Câu 25. Bộ phận nào không thuộc bếp hồng ngoại?

- A. Mặt bếp
- B. Thân nồi
- C. Bảng điều khiển
- D. Mâm nhiệt hồng ngoại

Câu 26. Bộ phận số mấy trên hình sau có chức năng cung cấp nhiệt cho bếp?

- A. 1
- B. 2
- C. 3
- D. 4



Câu 27. Đặc điểm nào không phải của bếp hồng ngoại?

- A. Khi đun nấu, bếp tạo ánh sáng màu đỏ hồng trên mặt bếp, rất nóng.
- B. Sử dụng cảm ứng từ làm nóng các nồi chảo có đáy bằng kim loại có từ tính.
- C. Bật công tắc là bếp nóng
- D. Dùng được với tất cả các loại nồi

Câu 28. Nhấn nút nguồn trên bếp hồng ngoại có tác dụng gì?

- A. Bật bếp, tắt bếp
- B. Hẹn giờ
- C. Chuyển chế độ nấu
- D. Các đáp án A, B, C đều đúng

Câu 29. Thông số kĩ thuật của đồ dùng điện được chia làm mấy loại?

- A. 1
- B. 2
- C. 3
- D. 4

D. Vận hành đồ dùng điện theo cảm tính.

Câu 38. Tránh đặt đồ dùng điện ở những khu vực nào?

- A. Nơi nấu ăn
B. Nơi có ánh nắng mặt trời
C. Khu vực dễ cháy nổ
D. Cả 3 đáp án trên

Câu 39. Tại sao phải xử lí đúng cách đối với các đồ dùng điện khi không sử dụng nữa?

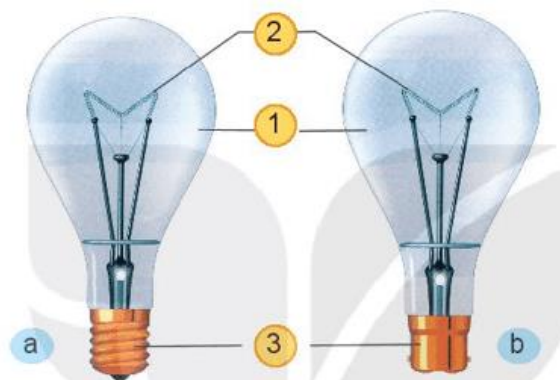
- A. Tránh tác hại ảnh hưởng đến môi trường.
B. Tránh ảnh hưởng đến sức khỏe con người.
C. Tránh ảnh hưởng đến môi trường và sức khỏe con người.
D. Không cần thiết.

Câu 40. Hãy cho biết đâu là đèn chùm



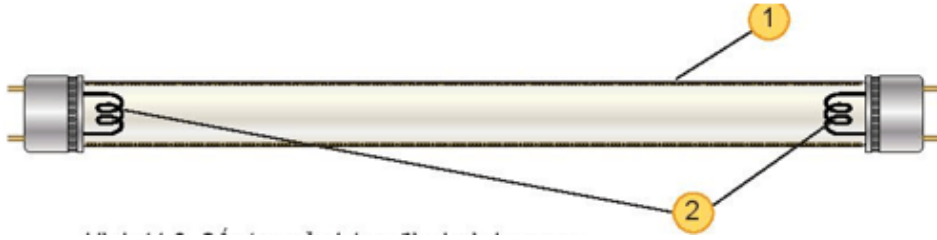
- A. Hình a
B. Hình b
C. Hình c
D. Hình d

Câu 41. Hãy cho biết tên của vị trí số 1 trong hình sau:



- A. Bóng thủy tinh
B. Sợi đốt
C. Đuôi đèn
D. Dây điện

Câu 42. Vị trí số 2 của hình sau đây thể hiện bộ phận nào của bóng đèn huỳnh quang?



- A. Ống thủy tinh B. Hai điện cực C. Chấn lưu D. Tắc te

Câu 43. Đặc điểm của bóng đèn compact là:

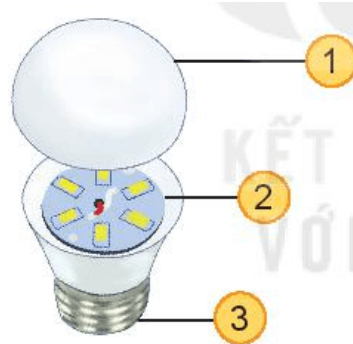
- A. Khả năng phát sáng cao B. Tuổi thọ thấp
C. Ánh sáng có hại cho mắt D. Cả 3 đáp án trên

Câu 44. Hình dạng của bóng đèn compact là:

- A. Hình chữ U B. Hình dạng ống xoắn
C. Hình chữ U hoặc hình dạng ống xoắn D. Hình tròn

Câu 45. Hãy cho biết, vị trí số 3 chỉ bộ phận nào của bóng đèn LED búp?

- A. Vỏ bóng
B. Bảng mạch LED
C. Đuôi đèn
D. Dây điện



Câu 46. Một bóng đèn LED có thông số kĩ thuật như sau: 110V – 5W. Hỏi bóng đèn đó có công suất định mức là bao nhiêu?

- A. 110 W B. 5 W C. 110 W hoặc 5 W D. 100W và 5 W

Câu 47. Bộ phận nào của nồi cơm có dạng hình trụ?

- A. Thân nồi B. Nồi nấu
C. Thân nồi hoặc nồi nấu D. Thân nồi và nồi nấu

Câu 48. Cấu tạo của nồi cơm điện gồm mấy bộ phận chính?

- A. 3 B. 4 C. 5 D. 6

Câu 49. Công dụng bộ phận điều khiển của nồi cơm điện là:

- A. Bật chế độ nấu B. Tắt chế độ nấu
C. Chọn chế độ nấu D. Cả 3 đáp án trên

Câu 50. Nguyên lí làm việc của nồi cơm điện thực hiện theo sơ đồ nào sau đây?

- A. Nguồn điện → Bộ phận điều khiển → Bộ phận sinh nhiệt → Nồi nấu.
B. Nguồn điện → Nồi nấu → Bộ phận điều khiển → Bộ phận sinh nhiệt
C. Nguồn điện → Bộ phận sinh nhiệt → Nồi nấu → Bộ phận điều khiển
D. Nguồn điện → Bộ phận sinh nhiệt → Bộ phận điều khiển → Nồi nấu

Câu 51. Khi lựa chọn nồi cơm điện cần quan tâm đến:

- A. Dung tích nồi
B. Chức năng của nồi
C. Dung tích và chức năng của nồi
D. Sở thích

Câu 52. Nếu gia đình có 3 người ăn, thì cần lựa chọn nồi cơm có dung tích bao nhiêu?

- A. 0,6 lít
B. 1 lít
C. 1,8 – 2 lít
D. 2 – 2,5 lít

Câu 53. Khi nấu cơm cần lưu ý gì?

- A. Không dùng vật cứng lau chùi nồi nấu
B. Không dùng vật nhọn chà sát trong nồi nấu
C. Không dùng vật cứng, nhọn chà sát, lau chùi bên trong nồi nấu.
D. Không lưu ý gì.

Câu 54. Khi sử dụng nồi cơm điện tránh việc làm nào sau đây?

- A. Đặt nồi cơm điện nơi khô ráo.
B. Dùng tay che van thoát hơi của nồi cơm điện khi đang nấu
C. Không dùng tay che van thoát hơi của nồi cơm điện khi đang nấu
D. Không mở nắp nồi để kiểm tra cơm khi đang nấu

Câu 55. Cần làm gì trong bước chuẩn bị của nấu cơm bằng nồi cơm điện?

- A. Vo gạo
B. Điều chỉnh lượng nước cho đủ
C. Lau khô mặt ngoài nồi nấu
D. Cả 3 đáp án trên

Câu 56. Điểm mất an toàn khi sử dụng nồi cơm điện trong hình sau là:



- A. Đặt nơi ẩm ướt
B. Để tay gần van thoát hơi của nồi cơm
C. Nấu quá lượng nước gây tràn ra ngoài.
D. Cả 3 đáp án trên

Câu 57. Trên bảng điều khiển có:

- A. Nút tăng giảm nhiệt độ
B. Nút chọn chế độ nấu
C. Đèn báo
D. Cả 3 đáp án trên

Câu 58. Vị trí của thân bếp hồng ngoại:

- A. Nằm phía dưới mặt bếp
B. Nằm phía dưới bảng điều khiển
C. Nằm phía dưới mặt bếp và bảng điều khiển

D. Nằm phía trên bảng điều khiển

Câu 59. Chức năng của thân bếp hồng ngoại là:

- A. Bao kín các bộ phận bên trong bếp
- B. Bảo vệ các bộ phận bên trong bếp
- C. Bao kín và bảo vệ các bộ phận bên trong bếp.
- D. Cấp nhiệt cho bếp

Câu 60. Em hãy cho biết, bộ phận nào của bếp hồng ngoại có chức năng cung cấp nhiệt cho bếp?

- A. Mặt bếp
- B. Bảng điều khiển
- C. Thân bếp
- D. Mâm nhiệt hồng ngoại

Câu 61. Cần quan tâm đến nhu cầu sử dụng, điều kiện kinh tế của gia đình để:

- A. Lựa chọn chức năng bếp
- B. Lựa chọn kiểu dáng bếp
- C. Lựa chọn công suất và thương hiệu bếp
- D. Cả 3 đáp án trên

Câu 62. Đây là kí hiệu gì trên bếp hồng ngoại?

- A. Nấu nhanh
- B. Xào
- C. Lẩu
- D. Cả 3 đáp án trên



Câu 63. Sử dụng bếp hồng ngoại không được làm việc nào sau đây?

- A. Đặt bếp nơi thoáng mát
- B. Có thể chạm tay lên mặt bếp khi vừa nấu xong
- C. Sử dụng khăn mềm để lau bề mặt bếp
- D. Sử dụng chất tẩy rửa phù hợp để lau mặt bếp

Câu 64: Bảo quản trang phục gồm những công việc nào sau đây?

- A. Làm khô, làm phẳng, cất giữ
- B. Làm sạch, làm khô, cất giữ
- C. Làm sạch, làm khô, làm phẳng, cất giữ
- D. Làm sạch, làm khô, làm phẳng

Câu 65: Nhược điểm của phương pháp phơi khô quần áo là

- A. Phụ thuộc vào thời tiết
- B. tiêu hao điện năng
- C. quần áo lâu khô
- D. đáp án A và C

Câu 66: Quần áo mang phong cách thể thao thường kết hợp với:

- A. giày cao gót
- B. giày thể thao
- C. giày búp bê
- D. tất cả đáp án trên

Câu 67: Trang phục có đặc điểm nào sau đây được dùng cho lễ hội?

A. Có kiểu dáng đơn giản, gọn gàng, dễ mặc, dễ hoạt động; có màu sắc hài hoà; thường được may từ vải sợi pha

B. Có kiểu dáng đơn giản, rộng, dễ hoạt động; có màu sắc sẫm màu; thường được may từ vải sợi bông

C. Có kiểu dáng đẹp, trang trọng; có thể là trang phục truyền thống, tùy thuộc vào tính chất lễ hội

D. Có kiểu dáng đơn giản, thoải mái; thường được may từ vải sợi thiên nhiên

Câu 68: Phong cách thể thao được sử dụng cho:

- A. Nhiều đối tượng khác nhau
- B. Nhiều lứa tuổi khác nhau
- C. Nhiều đối tượng và lứa tuổi khác nhau
- D. Chỉ sử dụng cho người có điều kiện.

Câu 69. Thời trang thay đổi do:

- A. Văn hóa
- B. Xã hội
- C. Sự phát triển của khoa học và công nghệ
- D. Cả 3 đáp án trên

Câu 70. Ý nghĩa của phong cách thời trang là:

- A. Tạo nên vẻ đẹp cho từng cá nhân
- B. Tạo nên nét độc đáo cho từng cá nhân
- C. Tạo nên vẻ đẹp hoặc nét độc đáo cho từng cá nhân
- D. Tạo nên vẻ đẹp và nét độc đáo riêng cho từng cá nhân

Câu 71. Căn cứ để lựa chọn phong cách thời trang là gì?

- A. Căn cứ vào tính cách người mặc.
- B. Căn cứ vào sở thích người mặc.
- C. Căn cứ vào tính cách hoặc sở thích người mặc
- D. Căn cứ vào tính cách và sở thích người mặc.

Câu 72. Phong cách cổ điển được sử dụng trong trường hợp nào?

- A. Đi học
- B. Đi làm
- C. Tham gia sự kiện có tính trang trọng
- D. Cả 3 đáp án trên

Câu 73. Trang phục mang phong cách thể thao có đặc điểm:

- A. Thiết kế đơn giản
- B. Đường nét tạo cảm giác mạnh mẽ và khỏe khoắn
- C. Thoải mái khi vận động
- D. Cả 3 đáp án trên

Câu 74. Phong cách dân gian mang đặc trưng về:

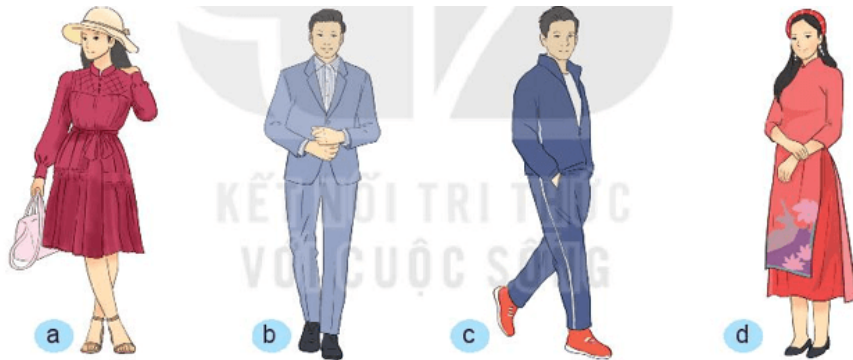
- A. Hoa văn, chất liệu, kiểu dáng
- B. Chất liệu, kiểu dáng
- C. Kiểu dáng, chất liệu
- D. Hoa văn, chất liệu

Câu 75. Phong cách dân gian:

- A. Mang vẻ hiện đại
- B. Đậm nét văn hóa của mỗi dân tộc

- C. Vừa mang vẻ đẹp hiện đại, vừa đậm nét văn hóa của mỗi dân tộc.
D. Cổ hủ, lỗi thời.

Câu 76. Hình nào sau đây thể hiện phong cách lãng mạn?



- A. Hình a B. Hình b C. Hình c D. Hình d

Câu 77. Phát biểu sau đây nói về phong cách nào?

“Trang phục có hình thức giản dị, nghiêm túc, lịch sự”

- A. Phong cách cổ điển B. Phong cách thể thao
C. Phong cách dân gian D. Phong cách lãng mạn

Câu 78. Hình ảnh sau thể hiện phong cách thời trang nào?

- A. Phong cách cổ điển
B. Phong cách thể thao
C. Phong cách dân gian
D. Phong cách lãng mạn



Câu 79. Em hãy cho biết, có mấy phương pháp làm sạch quần áo?

- A. 1 B. 2 C. 3 D. 4

Câu 80: Em hiểu thế nào là thời trang?

- A. Là kiểu trang phục được nhiều người ưa chuộng
B. Là kiểu trang phục được sử dụng rộng rãi.
C. Là kiểu trang phục thịnh hành
D. Là kiểu trang phục phổ biến và được nhiều người ưa chuộng.

MÔN CDCD

1. Tình huống nguy hiểm là gì? Nêu các số điện thoại khẩn cấp em đã được học.
2. Tiết kiệm là gì? Nêu 3 hành động thể hiện em là người tiết kiệm.
3. Công dân là gì? Kể tên các loại giấy tờ chứng minh em là người Việt Nam.
4. Thế nào là quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân? Kể tên một số quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân Việt Nam theo Hiến pháp 2013.
5. Nêu nội dung 4 nhóm quyền trẻ em.

MÔN TIN

I. NỘI DUNG ÔN TẬP:

2. Chủ đề 2. Ứng dụng Tin học

Bài 10: Sơ đồ tư duy

Bài 11: Định dạng văn bản

Bài 12: Trình bày thông tin ở dạng bảng

Bài 13: Tìm kiếm và thay thế

II. CÂU HỎI VÀ BÀI TẬP.

Câu 1: Em hãy trình bày văn bản sau trên phần mềm Microsoft Word

BUỔI SÁNG Ở HÒN GAI

Hòn Gai vào những buổi sáng sớm thật là nhộn nhịp. Khi tiếng còi tầm vừa cất lên, những chiếc xe bò tốt cao to chở thợ mỏ lên tầng, vào lò, tiếng còi bíp bíp inh ỏi, những người thợ điện, thợ cơ khí, thợ sàng rửa vôi vãi tới xưởng thay ca, các chị mậu dịch viên mở cửa các quầy hàng, các em nhỏ, khăn quàng đỏ bay trên vai kéo nhau tới lớp.

Dọc theo bờ vịnh Hạ Long, trên Bến Đoàn, Bến Tàu hay Cảng Mới, những đoàn thuyền đánh cá rẽ màn sương bạc nối đuôi nhau cập bến, những cánh buồm ướt át như những cánh chim trong mưa. Thuyền lưới mũi bằng. Thuyền giã đôi mũi cong. Thuyền Khu Bốn, buồm chữ nhật. Thuyền Vạn Ninh, buồm cánh én. Thuyền nào cũng tôm cá đầy khoang. Người ta khiêng từng sọt cá nặng tươi roi rói lên chợ.

Chợ Hòn Gai buổi sáng la liệt tôm cá. Những con cá song khỏe, vớt lên hàng giờ vẫn giãy đành đạch, vẩy sáng hoa đen lốm đốm. Những con cá chim mình dẹt như hình con chim lúc sải cánh bay, thịt ngon vào loại nhất nhì. Những con cá nhụ béo núc, trắng lớp, bóng mượt như được quét một lớp mỡ ngoài vẩy. Những con tôm he tròn, thịt căng lên từng ngấn như cổ tay của trẻ lên ba, da xanh ánh, hàng chân chơi chơi như muốn bơi.

Thi Sảnh

Lịch trình du lịch và ẩm thực tại Hòn Gai			
Ngày	Thời gian	Địa điểm	Món ăn gợi ý
1	Sáng	Bãi tắm Hòn Gai	Chả mực, bánh cuốn

	Chiều	Nhà thờ Hòn Gai Bến cảng Hòn Gai	Bún bề bề, sữa chua chân trâu Hạ Long
2	Sáng	Chợ hải sản Hòn Gai	Ghẹ, cá, ngao, tôm hấp

Yêu cầu:

- Font chữ: Times New Roman, cỡ chữ: 14
- Khổ giấy: A4, hướng dọc
- Tiêu đề căn giữa, thân văn bản căn thẳng hai lề, nguồn thông tin căn thẳng lề phải
- Tìm kiếm trên Internet để chèn thêm hình ảnh minh họa
- Tìm kiếm từ Hòn Gai xuất hiện bao nhiêu lần trong văn bản.
- Thay thế Hòn Gai thành Hòn Gai - Hạ Long